

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 09-6-2020

Về việc “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Vương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Xuân Lan;
2. Ông Nguyễn Tăng Gô.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Nhàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Long An.

Ngày 09 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 50/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Minh T - Sinh năm 1989 - Địa chỉ: ấp ML, xã MTT, huyện H, tỉnh Long An. (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Võ Thị Kiều Phi Y - Sinh năm 1989 - Địa chỉ: ấp ML, xã MTT, huyện H, tỉnh Long An. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 20-02-2020, các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Minh T trình bày: Ông và bà Võ Thị Kiều Phi Y cưới nhau có đăng ký kết hôn ngày 20-9-2013 tại Ủy ban nhân dân xã MTT. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống khoảng 04 năm, bà Y ghen tuông gây mất uy tín ông, tuy còn sống chung nhà nhưng không quan tâm chăm sóc nhau, như đã ly thân từ tháng 12-2019 đến nay.

Về hôn nhân: Ông yêu cầu ly hôn với bà Võ Thị Kiều Phi Y;

Về con chung: Ông yêu cầu được nuôi 02 con chung là Nguyễn Minh T1, sinh ngày 11-6-2012 và Nguyễn Minh T2, sinh ngày 01-11-2014, hiện đang sống chung với ông và bà Y, không yêu cầu bà Y cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại Bản tự khai ngày 22-4-2020, các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa, bị đơn bà Võ Thị Kiều Phi Y trình bày: Bà thống nhất với trình bày của ông Nguyễn Minh T về ngày tháng, điều kiện kết hôn, con chung và việc không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Về mâu thuẫn, có xảy ra cãi nhau về một số vấn đề trong cuộc sống hàng ngày, nhưng chưa đến mức phải ly hôn, do ông T có nhiều biểu hiện có quan hệ với phụ nữ bên ngoài về gây gổ với bà. Hiện vợ chồng còn sống chung nhà, vẫn giữ tốt quan hệ vợ chồng.

Về hôn nhân: Bà không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông T.

Về con chung, bà đồng ý theo yêu cầu ông T.

Vụ việc được hòa giải Tòa án nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Nguyễn Minh T khởi kiện yêu cầu ly hôn bà Võ Thị Kiều Phi Y, Tòa án nhân dân huyện H tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn không có đơn rút yêu cầu khởi kiện; Các đương sự không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án;

[3] Xét về hôn nhân:

[3.1] Ông T và bà Y chung sống có đăng ký kết hôn ngày 20-9-2013 tại Ủy ban nhân dân xã MTT, huyện H, tỉnh Long An. Quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà Y là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình.

[3.2] Đồng thời xét yêu cầu ly hôn của ông T và yêu cầu đoàn tụ của bà Y: Ông T và bà Y không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho trình bày và yêu cầu của ông bà là có căn cứ và hợp pháp. Xét ông T và bà Y xảy ra mâu thuẫn từ tháng 12-2019, hiện mỗi người vẫn tự lo cho bản thân, không quan tâm chăm sóc nhau, mặc dù được Tòa án tiến hành hòa giải và cho thời hạn 01 tháng để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, nhưng bà Y vẫn không có giải pháp hữu hiệu để khắc phục mâu thuẫn gia đình. Mâu thuẫn giữa ông T và bà Y đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc ông T yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên chấp nhận. Ngược lại, yêu cầu đoàn tụ của bà Y là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Xét về nuôi con chung:

[4.1] Tại phiên hòa giải ông T và bà Y đã thỏa thuận: Nếu ly hôn, ông T được trực tiếp nuôi 02 con chung là Nguyễn Minh T1, sinh ngày 11-6-2012 và

Nguyễn Minh T2, sinh ngày 01-11-2014, hiện đang sống chung với ông T và bà Y, theo nguyện vọng của con chung tên T1; Thỏa thuận trước khi mở phiên tòa về người trực tiếp nuôi con chung của đương sự là tự nguyện, phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên công nhận.

[4.2] Con chung đang sống với ông T và bà Y, nên bà Y có nghĩa vụ giao con chung cho ông T trực tiếp nuôi kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp.

[4.3] Xét ông T không yêu cầu bà Y cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện, phù hợp theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên ghi nhận.

[4.4] Bà Y được quyền thăm nom, chăm sóc con chung; Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, ông T và bà Y được quyền yêu cầu thay đổi trình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp theo quy định tại các Điều 83, 84, 107 và 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Xét về chia tài sản chung: Không có, nên không đề cập giải quyết.

[6] Xét về chia nợ chung: Ông T và bà Y trình bày không có, không đề cập giải quyết; Nếu xảy ra tranh chấp, các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo pháp luật tố tụng dân sự là phù hợp quy định tại Điều 60 Luật Hôn nhân gia đình.

[7] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xét thấy: Ông T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, ông T đã nộp đủ án phí; Bà Y không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Các Điều 56, 59, 60, 81, 82, 83, 84, 107 và 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Ông Nguyễn Minh T được ly hôn với bà Võ Thị Kiều Phi Y.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Công nhận sự thỏa thuận của đương sự: Ông Nguyễn Minh T được trực tiếp nuôi 02 con chung là Nguyễn Minh T1, sinh ngày 11-6-2012 và Nguyễn Minh T2, sinh ngày 01-11-2014, hiện đang sống chung với ông T và bà Y, theo nguyện vọng của con chung Nguyễn Minh T1;

2.2. Bà Võ Thị Kiều Phi Y có nghĩa vụ giao 02 con chung Nguyễn Minh T1 và Nguyễn Minh T2 cho ông T trực tiếp nuôi kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2.3. Ghi nhận sự tự nguyện của đương sự: Bà Võ Thị Kiều Phi Y không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

2.4. Bà Y được quyền thăm nom, chăm sóc con chung; Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, ông T và bà Y được quyền yêu cầu thay đổi trình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về chia tài sản chung: Không yêu cầu, không đề cập giải quyết.

4. Về chia nợ chung: Các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo pháp luật tố tụng dân sự.

5. Về án phí: Ông Nguyễn Minh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0004986 ngày 27-2-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, ông T đã nộp đủ án phí;

6. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 09-6-2020).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã MTT (để ghi sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

Nguyễn Hùng Vương